TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Một số vấn đề Việt dịch Tăng Nhất A Hàm (P.1)

ISSN: 2734-9195 09:30 03/11/2026

Bản dịch này sau đó được Thích Thiện Siêu hiệu đính và ấn hành dưới danh nghĩa Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, vào năm 1997.

Tác giả: **Nguyễn Quốc Bình - Nguyễn Anh Tú**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 11/2026

Tóm lược: *Bài viết tập hợp của một số đoạn dễ gây hiểu lầm, hoặc có thể hiểu theo nhiều cách, hoặc cần giải thích thêm, hoặc hoàn toàn tối nghĩa trong bản Hán dịch của kinh Tăng Nhất A Hàm (T125); cùng nhận xét ban đầu, cũng như trình bày khái lược về Tăng Nhất A Hàm.*

1. Khái lược về Tăng Nhất A Hàm

1.1. Tên gọi, thứ tự, và tiêu chí kết tập

Tên gọi ‘Tăng Nhất’ thường được cho là có nguồn gốc từ nội dung được sắp xếp theo pháp số tăng dần của nó. Tuy nhiên, cũng có cách giải thích tên gọi này là do sau con số cuối cùng là 10 thì vẫn còn tăng thêm 1. (1) Pāli gọi bản tương đương của mình là kinh Tăng Chi Bộ.

Thứ tự của Tăng Nhất A Hàm trong 4 bộ A Hàm có khác biệt giữa mỗi phái. Tuệ Sỹ cho rằng Luật Ngũ Phần (Hoá Địa bộ), Ma-ha-tăng-kỳ (Đại Chúng bộ), Tứ Phần (Pháp Tạng bộ), và Pāli (Thượng Toạ bộ) ghi nhận thứ tự Trường, Trung, Tạp, Tăng Nhất; trong khi đó, Tỳ nại da tạp sự thì ghi nhận thứ tự Tạp, Trung, Trường, Tăng Nhất; ngoài ra còn có các biến thể khác; đồng thời ghi nhận và nhận xét một số điểm bất nhất trong các văn bản. (2)



Ảnh: Sưu tầm

Tiêu chí kết tập bộ loại, theo Tuệ Sỹ, vừa mang tính hệ thống để dễ ghi nhớ và có khả năng thấu hiểu cốt tuỷ, vừa mang tính lịch sử để duy trì tính thống nhất và tính chính thống. Trong đó, khác với tiêu chí về ba khoa mà Tạp A Hàm và Du-già Sư Địa Luận chủ trương, vốn chỉ thích hợp với những ai có căn khí nhất định: tiêu chí về pháp số mà Tăng Nhất A Hàm, Đại Trí Độ Luận, cho đến kinh Chúng Tập và Thập Thượng trong Trường A Hàm chủ trương lại hướng tới đại chúng. (3)

Thích Nguyên Hùng tổng kết về pháp số của kinh này thành hai thuyết. Thuyết thứ nhất cho rằng kinh này vốn có đến 100 pháp, nhưng do quên mất nên chỉ còn lại 10 pháp, dựa trên Ma-ha-tăng-kỳ Luật quyển 32, A bì đàm Tỳ bà sa Luận quyển 10, Hữu Bộ Tỳ-nại-da Tạp Sự quyển 39... Thuyết thứ hai cho rằng kinh này chỉ xếp thứ tự các pháp từ 1 đến 11 pháp, dựa trên Ngũ Phần Luật quyển 30, Tứ Phần Luật quyển 54, luận Phân Biệt Công Đức quyển 2... (4) Bản kinh Tăng Nhất A Hàm chính (T125) và Tăng Chi Bộ đều ủng hộ thuyết thứ hai. Thích Hạnh Bình cho rằng việc Tăng Nhất A Hàm dừng ở pháp số 11 là dấu hiệu cho sự bất ổn của tiêu chí pháp số trong quá trình hình thành văn hệ Bì-đàm. (5)

1.2. Truyền bản

Người ta cho rằng Tăng Nhất A Hàm Kinh □□□□ (Ekottarikāgama), cũng như các A Hàm khác, được lưu truyền vốn có nhiều bản ứng với các bộ phái

khác nhau. Điển hình như Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttaranikāya) của Thượng Tọa bộ (Theravāda) hay bản Tăng Nhất A-cấp-ma của Hữu bộ được nhắc trong Đại Tỳ- bà-sa. (6) Ngoài ra, ta cũng còn 2 bản Tăng Nhất A Hàm Kinh Hán dịch, cùng một số bản biệt dịch tiếng Hán và Tạng. (7) SuttaCentral cho biết hai bản Hán dịch tương đương với Tăng Chi Bộ Kinh của Thượng Tọa Bộ gồm T125, Tăng Nhất A Hàm Kinh của Cù-đàm Tăng-già-đề-bà và T150A, Thất Xứ Tam Quán Kinh của An Thế Cao; còn 29 bài kinh ngắn trong tạng Đại Chánh tập 2, từ 126 đến 151, là những bản dịch đa tạp của nhiều bài kinh khác nhau từ Tăng Nhất, được thực hiện vào nhiều thời điểm khác nhau bởi nhiều dịch giả khác nhau. (8)

Các nhà kết tập Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh xếp từ kinh 125 đã nói ở trên đến hết bộ A Hàm gồm có các văn bản cụ thể sau:

Mã số	Tên văn bản	Số quyển	Dịch giả hoặc tác giả
125.	Tăng Nhất A Hàm Kinh.	51	Đông Tấn, nước Kế-tân, Tam Tạng Cù đàm Tăng già đề bà dịch.
126.	Phật thuyết A la hán Cụ Đức Kinh.	1	Nhà Tống, Tây Thiên, Tam Tạng dịch kinh Triều phụng đại phu thí Quang lộc khanh Minh Giáo đại sư, thần, Pháp Hiển phụng chiếu dịch.
127.	Phật thuyết Tứ Nhân Xuất Hiện Thế Gian Kinh.	1	Lưu Tống, Thiên Trúc, Sa môn Cầu na bạt đà la dịch.
128 (a).	Tu ma đề Nữ Kinh.	1	Ngô, Nguyệt Thị, Ưu bà tắc Chi Khiêm dịch.
128 (b).	Tu ma đề Nữ Kinh.	1	Ngô, Nguyệt Chi, Ưu bà tắc Chi Khiêm dịch.
129.	Phật thuyết Tam ma kiệt Kinh.	1	Ngô, Thiên Trúc, Sa môn Trúc Luật Đàm dịch.
130.	Phật thuyết Cấp Cô Trưởng Giả Nữ Đắc Độ Nhân Duyên Kinh.	3	Nhà Tống, Tây Thiên, Tam Tạng dịch kinh Triều phụng đại phu thí Hồng lô khanh Truyền Pháp đại sư, thần, Thi Hộ phụng chiếu dịch.
131.	Phật thuyết Bà la môn Tị Tử Kinh.	1	Hậu Hán, nước An tức, Tam Tạng An Thế Cao dịch.
132 (a).	Phật thuyết Thực Thí Hoạch Ngũ Phúc Báo Kinh.	1	Thất dịch tên người, nay phụ Đông Tấn lục.
132 (b).	Thí Thực Hoạch Ngũ Phúc Báo Kinh.	1	Thất dịch, nay phụ Đông Tấn lục.
133.	Tần bì sa la Vương Nghệ Phật Cúng Dường Kinh.	1	Đông Tấn, Sa môn Thích Pháp Cự dịch.
134.	Phật thuyết Trưởng Giả Tử Lục Quá Xuất Gia Kinh.	1	Nhà Tống, Sa môn Thích Tuệ Giản dịch.
135.	Phật thuyết Lực Sĩ Di Sơn Kinh.	1	Tây Tấn, Thiên Trúc, Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.
136.	Phật thuyết Tứ Vị Tằng Hữu Pháp Kinh.	1	Tây Tấn, Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.
137.	Xá lợi phất Ma ha mục liên Du Tứ Cù Kinh.	1	Hậu Hán, ngoại quốc, Tam Tạng Khang Mạnh Tường dịch.
138.	Phật thuyết Thập Nhất Tưởng Tư Niệm Như Lai Kinh.	1	Lưu Tống, Thiên Trúc, Tam Tạng Cầu na bạt đà la dịch.
139.	Phật thuyết Tứ Nê lê Kinh.	1	Đông Tấn, Tây Vực, Sa môn Trúc Đàm Vô Lan dịch.

140.	A na-bân để Hóa Thất Tử Kinh.	1	Hậu Hán, nước An tức, Tam Tạng An Thế Cao dịch.
141.	Phật thuyết A tốc đạt Kinh.	1	Lưu Tống, Thiên Trúc, Tam Tạng Cầu na bạt đà la dịch.
142 (a).	Phật thuyết Ngọc Da Nữ Kinh.	1	Thất dịch tên người, phụ Tây Tấn lục.
142 (b).	Ngọc Da Nữ Kinh.	1	Thất dịch tên người, nay phụ Tây Tấn lục.
143.	Ngọc Da Kinh.	1	Đông Tấn, Thiên Trúc, Sa môn Trúc Đàm-vô Lan dịch.
144.	Phật thuyết Đại Ái Đạo Bát nê hoàn Kinh.	1	Tây Tấn, Hà Nội, Sa môn Bạch Pháp Tổ dịch.
145.	Phật Mẫu Nê hoàn Kinh.	1	Lưu Tống, Sa môn Tuệ Giản dịch.
146.	Xá vệ Quốc Vương Mộng Kiến Thập Sự Kinh.	1	Thất dịch, phụ Tây Tấn lục.
147.	Phật thuyết Xá vệ Quốc Vương Thập Mộng Kinh.	1	Phụ Tây Tấn lục.
148.	Quốc Vương Bất Lê Tiên Nê Thập Mộng Kinh.	1	Đông Tấn, Tây Vực, Sa môn Trúc Đàm-vô Lan dịch.
149.	Phật thuyết A nan Đồng Học Kinh.	1	Hậu Hán, nước An tức, Tam Tạng An Thế Cao dịch.
150 (a).	Thất Xứ Tam Quán Kinh.	1	Hậu Hán, nước An tức, Tam Tạng An Thế Cao dịch.
150 (b).	Phật thuyết Cửu Hoạnh Kinh.	1	Hậu Hán, nước An tức, Tam Tạng An Thế Cao dịch.
151.	Phật thuyết A Hàm Chính Hạnh Kinh.	1	Hậu Hán, nước An tức, Tam Tạng An Thế Cao dịch.

Phiên bản CBETA hiện nay (15/12/2024) (9) có cách chia cụ thể hơn như sau:

+ Gom các mã từ 125 đến 148 vào một nhóm, gọi là Tăng Nhất A Hàm Kinh...; o T125 vẫn là Tăng Nhất A Hàm Kinh

+ Từ T126 đến T148 gọi là Tăng Nhất A Hàm Kinh Đơn Bản.

+ Gom các mã từ 149 đến 151 vào một nhóm gọi là A nan Đồng Học Kinh...;

Ngoài ra, về các chú giải của A Hàm nói chung, CBETA còn chỉ rõ nhóm các mã từ 1505 đến 1508 thuộc Thích Kinh Luận Bộ là A Hàm kinh luận thích:

Mã số	Tên văn bản	Số quyển	Dịch giả hoặc tác giả
1505.	Tứ A Hàm Mộ Sao Giải.	2	A la hán Bà tố bạt đà soạn; Phù Tần, Tây Vực, Tam Tạng Cưu ma la Phật-đề… dịch.
1506.	Tam Pháp Độ Luận.	3	Đông Tấn, nước Kế tân, Tam Tạng Cù đàm Tăng già đề bà dịch.
1507.	Phân Biệt Công Đức Luận.	5	Mất tên người dịch, phụ Hậu Hán lục.
1508.	A Hàm Khẩu Giải Thập Nhị Nhân Duyên Kinh.	1	Hậu Hán, nước An tức, Ưu bà tắc Đô úy An Huyền cùng Sa môn Nghiêm Phật Điều dịch.

và nhóm các mã từ 1693 đến 1694 thuộc Kinh Sớ Bộ là A Hàm kinh sớ:

Mã số	Tên văn bản	Số quyển	Dịch giả hoặc tác giả
1693.	Nhân Bản Dục Sinh Kinh Chú.	1	Hậu Hán, nước An tức, Tam Tạng An Thế Cao dịch.
1694.	Ấm Trì Nhập Kinh Chú.	2	Hậu Hán, nước An tức, Tam Tạng An Thế Cao dịch.

Bản Hán dịch đầu tiên của Tăng Nhất A Hàm, theo Xuất Tam Tạng Ký Tập và Tăng Nhất A Hàm Kinh tự (T.55. 2145.9. 0064b08-b14), do sa-môn Đàm-ma-nan-đề □□□□ (Dharmānandī), người Đâu-khư-lặc (Kusana) học thuộc Phạn bản, Trúc Phật Niệm □□□ nghe và khẩu dịch sang Hán, Đàm Tung bút thọ, vào năm 385 (Kiến Nguyên 21), gồm 41 quyển, trong đó phần hạ gồm 15 quyển thiếu phần nhiếp tụng. Đạo An, Pháp Hòa, dưới sự hỗ trợ của Tăng Lược và Tăng Mậu đã khảo chính lại. Bản dịch đầu tiên này, gồm 41 tập, sau đó được Trúc Phật Niệm hiệu đính và mở rộng thành 51 tập, có lẽ đã thêm tài liệu mới vào bản dịch đầu tiên của mình và thậm chí thay thế một số đoạn trong bản dịch đầu tiên của mình bằng tài liệu mới. (10)

Theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục (T.55. 2154.3. 0505b05), đến năm 397 (Long An 1), Tăng-già- đề-bà (Sanghadeva), người Kế-tân (Kashmir), dịch chú lại dựa trên Phạn bản chép tay, do Tăng- già-la-xoa (Sangharaksa) đọc. Bản này khá hoàn chỉnh, gồm có 52 phẩm, 472 bài kinh, tuy nhiên có nhiều vấn đề ở các bài nhiếp tụng. Nó được đưa vào A Hàm Bộ, trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, ở tập 2, số 125, với tên dịch giả là Cù- đàm Tăng-già-đề-bà (Gautama Sanghadeva), tam tạng pháp sư nước Kế-tân, đời Đông Tấn (317– 420), và được xem là bản dịch chính của Tăng Nhất A Hàm. Các bản Tăng Nhất A Hàm được kết tập vào thời nhà Tống, Nguyên, Minh đều ghi nhận có 52 phẩm, 50 quyển; còn trong Cao Ly Đại tạng thì kinh này có 50 phẩm, 51 quyển. (11)

Xuất Tam Tạng Ký Tập (T.55. 2145.14. 0100b29; T.55. 2145.9. 0063b26) cho biết ngoài ra còn một bản Tăng Nhất A Hàm do Cưu-ma-la-thập (Kumārajīva) học được ở Sa-lặc (Khāsa) trước khi về Quy-tư (Kucīna). Lời tựa của Tăng Triệu, học trò La-thập, trong Trường A Hàm Kinh có lẽ nói về bản kinh này. Theo đó, nó gồm 4 phần, 8 tụng, nhưng bản lưu hành hiện nay chỉ duy nhất phẩm 49 là còn ghi lại cách phân chia này. (12)

Một bản dịch một phần của Tăng Nhất A Hàm được An Thế Cao □□□ thực hiện vào năm 148-170, được gọi là Thất Xứ Tam Quán Kinh □□□ □□ , gồm một quyển với 47 bài kinh ngắn. Trong

Đại Chánh tạng, nó được đánh mã 150A, nằm ở tập 2, từ trang 875b. (13)

Tachưacó toàn bộ Phạn bản của Ekottarāgama, nhưng một phần đáng kể của nó đã được phát hiện tại Gilgit và đã được Tripāthi biên tập và tái tạo phần nào. (14) Tuy nhiên, theo khảo sát sơ bộ, có vẻ như hầu hết các tài liệu này gần với

văn bản tiếng Pāli hơn là EA chính bằng tiếng Hán. (15)

Một số phần của Tăng Nhất A Hàm được dịch sang tiếng Pháp và Anh bởi Thích Huyền Vi và Bhikkhu Pasadika. (16) Đã có nhiều khảo cứu để lập danh sách các bản kinh tương đương giữa văn hệ Pāli và Hán dịch, bao gồm Tăng Nhất A Hàm trong đó, như công trình của Masaharu Anesaki hay

Chizen Akanuma. (17) Antonello Palumbo thì cung cấp một khảo cứu về Phân Biệt Công Đức Luận □ □□□ và lịch sử phiên dịch của Tăng Nhất A

Hàm. (18) Sau đó, Anālayo đã dựa trên việc so sánh các bản Hán, Tạng, Pāli tương đương, cùng với các nghiên cứu hiện tại, để đưa ra vấn đề hợp bản, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề về ảnh hưởng của tư tưởng Đại thừa và nhiều chủ đề khác trong Tăng Nhất A Hàm, đồng thời bổ sung nhiều bài dịch mới cho các kinh trong đó. (19)

Bài viết tập trung phân tích về các vấn đề trong văn bản T125. Do đó, từ đây, khi nói về Tăng Nhất A Hàm mà không đề cập gì khác hơn thì đó là chỉ cho bản T125 của Đại Chánh tạng.

1.3. Cấu trúc và nội dung

Ngoài bài tựa của Đạo An, Tăng Nhất A Hàm gồm có 52 phẩm, 472 bài kinh, phân thành 11 thiên như sau:

+ Phẩm đầu là Tự, không nằm trong thiên nào, thuộc quyển 1, nêu sơ lược quá trình đại hội kết tập thứ nhất, A-nan tụng kinh và nhân duyên A-nan truyền pháp cho Ưu-đa-la.

+ Thiên một pháp có 13 phẩm, 109 bài kinh;

2. Phẩm thập niệm: gồm 10 kinh.

3. Phẩm quảng diễn: gồm 10 kinh.

4. Phẩm đệ tử: gồm 10 kinh.

5. Phẩm bỉ-khâu-ni: gồm 5 kinh.

6. Phẩm thanh tín sĩ: gồm 4 kinh.

7. Phẩm thanh tín nữ: gồm 3 kinh.

8. Phẩm a-tu-la: gồm 10 kinh.

9. Phẩm đứa con một: gồm 10 kinh.

10. Phẩm hộ tâm: gồm 10 kinh.

11. Phẩm bất hoàn: gồm 10 kinh.

12. Phẩm nhất nhập đạo: gồm 10 kinh.

13. Phẩm lợi dưỡng: gồm 7 kinh.

14. Phẩm ngũ giới: gồm 10 kinh.

+ Thiên hai pháp có 6 phẩm, 65 bài kinh

15. Phẩm hữu vô: gồm 10 kinh.

16. Phẩm hỏa diệt: gồm 10 kinh.

17. Phẩm an-ban: gồm 11 kinh.

18. Phẩm tàm quý: gồm 10 kinh.

19. Phẩm khuyến thỉnh: gồm 11 kinh.

20. Phẩm thiện tri thức: gồm 13 kinh.

+ Thiên ba pháp có 4 phẩm, 40 bài kinh;

21. Phẩm tam bảo: gồm 10 kinh.

22. Phẩm tam cúng dường: gồm 10 kinh.

23. Phẩm Địa Chủ: gồm 10 kinh.

24. Phẩm cao tràng: gồm 10 kinh.

+ Thiên bốn pháp có 7 phẩm, 61 bài kinh;

25. Phẩm tứ đế: gồm 10 kinh.

26. Phẩm tứ chánh cần: gồm 10 kinh.

27. Phẩm đẳng thú tứ đế: gồm 10 kinh.

28. Phẩm thanh văn: gồm 7 kinh.

29. Phẩm khổ vui: gồm 10 kinh.

30. Phẩm Tu-đà: gồm 3 kinh.

31. Phẩm tăng thượng: gồm 11 kinh.

+ Thiên năm pháp có 5 phẩm, 47 bài kinh;

32. Phẩm thiện tụ: gồm 12 kinh.

33. Phẩm năm vua: gồm 10 kinh.

34. Phẩm đẳng kiến: gồm 10 kinh.

35. Phẩm tà tụ: gồm 10 kinh.

36. Phẩm thính pháp: gồm 5 kinh.

+ Thiên sáu pháp có 2 phẩm, 22 bài kinh;

37. Phẩm sáu trọng pháp: gồm 10 kinh.

38. Phẩm lực: gồm 12 kinh.

+ Thiên bảy pháp có 3 phẩm, 25 bài kinh;

39. Phẩm đẳng pháp: gồm 10 kinh.

40. Phẩm bảy mặt trời: gồm 10 kinh.

41. Phẩm chớ sợ: gồm 5 kinh.

+ Thiên tám pháp có 2 phẩm, 20 bài kinh;

42. Phẩm tám nạn: gồm 10 kinh.

43. Phẩm thiên tử Mã Huyết hỏi tám chính: gồm 10 kinh.

+ Thiên chín pháp có 2 phẩm, 18 bài kinh;

44. Phẩm chín chúng sanh cư: gồm 11 kinh.

45. Phẩm mã vương: gồm 7 kinh.

+ Thiên mười pháp có 3 phẩm, 26 bài kinh;

46. Phẩm kết cấm: gồm 10 kinh.

47. Phẩm thiện ác: gồm 10 kinh.

48. Phẩm mười bất thiện: gồm 6 kinh.

+ Thiên mười một pháp có 4 phẩm, 39 bài kinh.

49. Phẩm phóng ngưu: gồm 10 kinh.

50. Phẩm lễ tam bảo: gồm 10 kinh.

51. Phẩm phi thường: gồm 10 kinh.

52. Phẩm Đại Ái Đạo bát-niết-bàn: gồm 9 kinh.

Nội dung trong Tăng Nhất A Hàm xoay quanh những giáo lý căn bản với định nghĩa rõ ràng và pháp hành cụ thể. Tăng Nhất A Hàm được xếp tương đương với Tăng Chi Bộ Kinh của Thượng Tọa bộ, bản kinh có 11 nhóm, 171 phẩm, 2203 kinh (nhưng con số này cũng chưa thống nhất), trong đó có 135 kinh tương đương hoặc có thể đối chiếu với Tăng Nhất A Hàm. (20) Bên cạnh đó, bản Tăng Nhất A Hàm này còn có 2 kinh tương đương với Trường Bộ, 33 kinh tương đương với Trung Bộ, 46 kinh tương đương với Tương Ưng Bộ. (21)

1.4. Các yếu tố Đại thừa

Tăng Nhất A Hàm nói chung tương ứng với Anguttaranikāya của Thượng Tọa bộ, nhưng trong bốn A Hàm của Hán tạng, thì nó khác biệt nhất so với bản Thượng Tọa bộ. Theo Keown, *"có sự chênh lệch đáng kể giữa bản Pāli và [bản Hán], với hơn hai phần ba các kinh được tìm thấy trong một bản nhưng không có trong bản kia, điều này cho thấy rằng phần lớn phần này của Kinh Tạng không được hình thành cho đến một thời điểm khá muộn".* (22)

Étienne Lamotte thì cho Tăng Nhất A Hàm được dịch từ một bản thảo đến từ tây bắc Ấn và chứa đựng rất nhiều ảnh hưởng của Đại thừa. (23) Một số chi tiết cho thấy Tăng Nhất A Hàm có liên quan đến Đại thừa trong đó có thể kể đến như sau: (24)

1. Sáu ba la mật (phẩm Tựa).

2. Lý không (phẩm Tựa).

3. Việc chư thiên, đế Thích thiên, Phạm thiên, và đủ 4 chúng nghe yết-ma (phẩm Tựa).

4. Phật thọ ký cho Đề bà đạt đa thành Độc giác Phật hiệu là Nam-mô (kinh 9, phẩm Phóng ngưu).

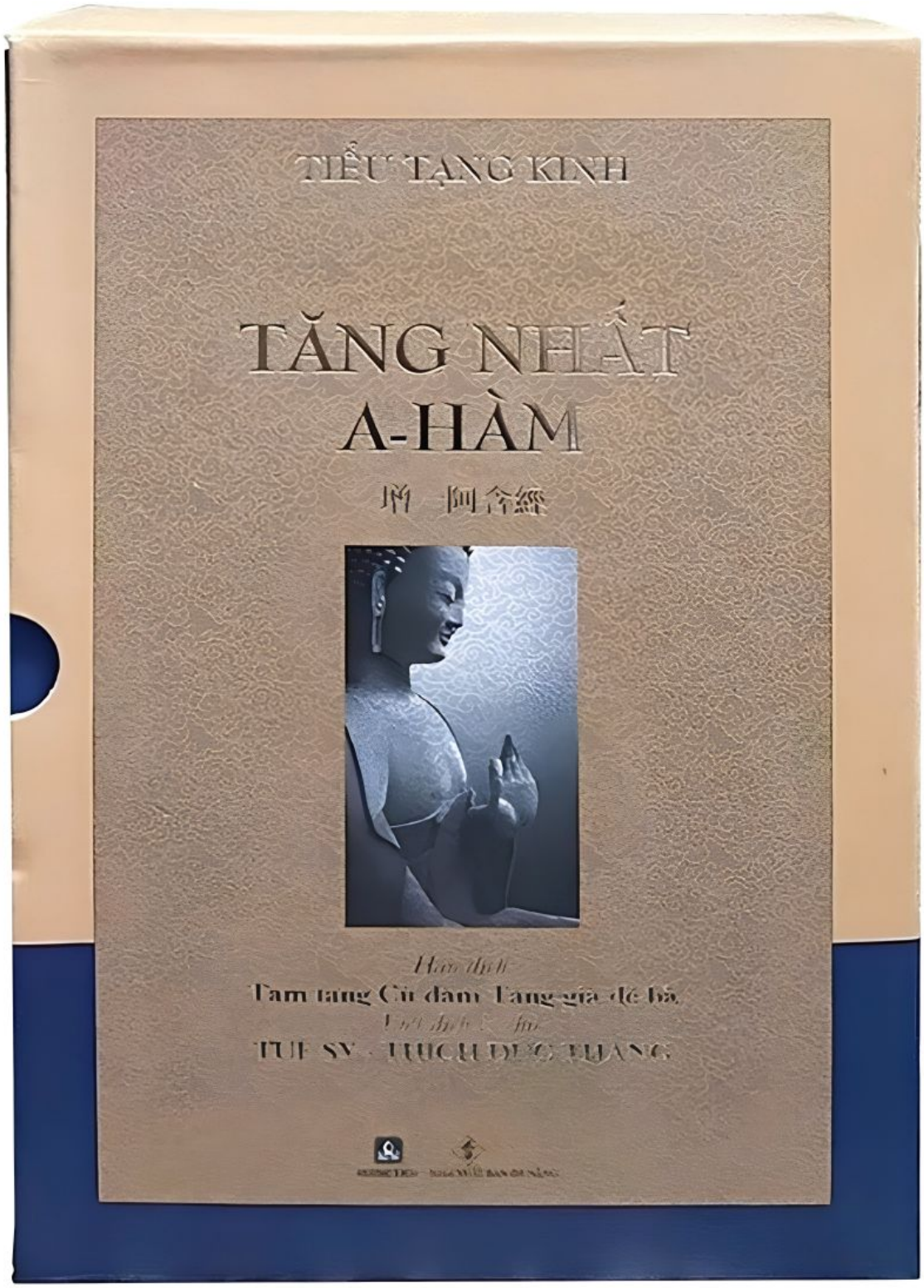
5. Phật cho tôn giả Thi bà la nhận trăm ngàn lượng vàng của trưởng giả (kinh 2, phẩm Ngũ vương).

6. Phật dùng từ “Tiểu thừa” (kinh 9, phẩm Tứ chánh cần).

7. Vấn đề phát tâm Đại thừa (kinh 8, phẩm Khuyến thỉnh)…

1.5. Bộ phái

Dựa theo các yếu tố Đại thừa như đã nêu, các học giả như Ấn Thuận, Diêu Trì Hoa và Quan Tắc Phú coi Tăng Nhất A Hàm thuộc về phái Đại Chúng bộ (Mahāsāmghika). (25) Thích Nguyên Hùng bổ sung thêm Từ Ân và Thủy Dã Hoằng Nguyên vào danh sách trên. (26) Đại đa phần các tác giả còn cụ thể hóa là Đại Chúng bộ hậu kì.



Ảnh: Sưu tầm

Tuệ Sỹ cũng nêu lại quan điểm Đại Chúng bộ nhưng không tán thành về vấn đề hậu kì. Ông cho rằng sự mâu thuẫn với quy tắc yết-ma được nêu trong luật Ma-ha-tăng-kì không đủ để kết luận rằng đây là hậu kì; đồng thời cũng chỉ ra rằng văn bản này vẫn tôn trọng a-la-hán như Ma-ha-tăng-kỳ, khác với những gì được biết về quan điểm Đại Chúng bộ. Ông cũng hệ thống mầm mống Đại thừa trong văn bản thành yếu tố xã hội, thể hiện ở sự hiện diện của giới bình dân và việc sử dụng nhiều câu chuyện để diễn tả giáo lý cho phù hợp với đại chúng, cùng

yếu tố giáo lý, phân thành thực hành sáu ba-la-mật và nhận thức lý không. (27)

A.K. Warder thì lại cho Tăng Nhất A Hàm thuộc Pháp Tạng bộ (Dharmaguptaka), dựa trên sự tham chiếu đến 250 điều học Prātimoksa của phái này trong Hán tạng, cùng với các giáo lý trong bản kinh nàyđượcchо là mâu thuẫnvới Đại Chúng bộ nhưng phù hợp với Pháp Tạng bộ. (28)

1. Walser bổ sung rằng Pháp Tạng bộ là phái duy nhất được Chân Đế đồng nhất một cách rõ ràng với Đại thừa, và Phật-đà-da-xá (Buddhayaśas), vị sư Pháp Tạng bộ thế kỷ thứ 5, người dịch Luật tạng Pháp Tạng bộ và Trường A Hàm, cũng nói các vị Pháp Tạng bộ đã tiếp thu Đại thừa Tam Tạng □□□□ . (29)

Ngoài ra, trung tâm Trí Tịnh (30) cho rằng bản Tăng Nhất A Hàm này có liên quan nhất định đến Hữu bộ, dựa trên 11 pháp màcác bậca-la-hán không bao giờ làm (T.02. 0125.49.4. 07097a09-a18) (31) và việc Thành Duy Thức Luận cho biết Tăng Nhất A Hàm của Hữu bộ có ngụ ý về tên gọi của a-lại-da thức (T.25. 0509.12. 0211b18). Thích Nguyên Hùng bổ sung thêm rằng theo luận Phân Biệt Công Đức quyển 2, thì kinh Tăng Nhất A Hàm được truyền từ Hữu bộ; và các dịch giả của kinh này, Đàm-ma- nan-đề và Tăng-già-đề-bà, đều là thuộc Hữu bộ; đồng thời nêu thêm rằng Lương Khải Siêu cho rằng kinh này do Hữu bộ truyền, sau đó được bổ sung bởi các bản của Đại Chúng bộ. (32)

Mặt khác, dù cũng chỉ ra khá nhiều tương đồng giữa các câu chuyện trong bản Tăng Nhất A Hàm này với trong các chú giải Pāli, trung tâm Trí Tịnh không khẳng định gì về quan hệ giữa văn bản này với Thượng Tọa bộ, mà chỉ cho rằng văn bản này hình thành muộn và tiếp thu, tổng hòa những nội dung tư tưởng quan trọng, đặc thù của nhiều bộ phái. (33)

1.6. Lược sử các bản Việt dịch

Như chúng ta được biết đến nay, bản Việt dịch sớm nhất của Tăng Nhất A Hàm đã được giao cho Thích Thanh Từ thực hiện, vào năm 1973, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng phiên dịch Tam tạng của Viện Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. (34) Bản dịch này sau đó được Thích Thiện Siêu hiệu đính và ấn hành dưới danh nghĩa Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, vào năm 1997.

Lời thuật của Tuệ Sỹ cũng cho biết thêm chi tiết về việc phiên dịch và ấn hành này: “Gần đây, vào năm 1973, một Hội đồng phiên dịch Tam tạng lần đầu tiên trong lịch sử được thành lập. […] Một phần của thành quả này về sau được ấn hành năm 1993 bởi Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, trực thuộc Giáo hội

Phật giáo Việt Nam, dưới danh hiệu "Đại tạng Kinh Việt Nam." Thành quả này là các kinh thuộc bộ A Hàm được phân công bởi Hội đồng Phiên dịch Tam tạng, trong đó, Trường A Hàm và Tạp A Hàm do TT Thiện Siêu, TT Trí Thành và ĐĐ Tuệ Sỹ thuộc Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang; Trung A Hàm và Tăng Nhất A Hàm do TT Thanh Từ, TT Bửu Huệ, TT Thiền Tâm thuộc Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm Saigon. […]" (35)

Ngoài ra, trong công trình Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh được đề xướng bởi Thích Tịnh Hạnh, kéo dài từ năm 1994 đến năm 2014, (36) ta bắt gặp một bản dịch tiếng Việt của chẳng những kinh Tăng Nhất A Hàm chính mà còn các bộ biệt dịch của nó, trong tập 8 và 9 của tạng này. Đáng tiếc, theo thể thức biên tập, tên của các dịch giả cụ thể cho từng bài kinh đều bị lược bỏ.

Năm 2008, bản dịch kinh Tăng Nhất A Hàm của Thích Đức Thắng, do Tuệ Sỹ hiệu đính và chú thích, được xuất bản. Tuy nhiên, một phiên bản sớm hơn, ghi năm 2005 sửa chữa và bổ sung, hiện vẫn còn được lưu hành trên mạng. (37) Tức là bản đầu tiên của bản dịch này có thể vốn đã có từ trước cả năm 2005. Thư quán Hương Tích sau đó tái bản bản dịch này nhiều lần dưới danh nghĩa Tiểu tạng Thanh Văn. Năm 2021, Hội đồng Hoằng pháp thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tổ chức khởi động lại công trình Đại Tạng Kinh Việt Nam, bắt đầu từ Thanh văn tạng. Bản dịch trên được đưa vào tập 10-12 của tạng (tức Kinh bộ X-XII). Cả phiên bản này lẫn phiên bản được Hương Tích ấn hành năm 2022 đều ghi là do cả Tuệ Sỹ và Thích Đức Thắng dịch và chú.

Năm 2022, công trình Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam do Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ấn hành kinh Tăng Nhất A Hàm trong tập 22 và 23 của tạng (tức tập 06-07 của Tam tạng Phật giáo Bộ phái). Cả hai tập này đều là bản dịch của cùng bản T125 của Đại Chánh Tạng. Tập 22 là bản do Thích Thanh Từ dịch Việt, Thích Thiện Siêu hiệu đính; còn tập 23 là bản Việt dịch do Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh thực hiện. Thích Nguyên Hùng cho biết các bản dịch này Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh đã đặt lại toàn bộ tựa đề cho 472 bài kinh trong Tăng Nhất A Hàm, đồng thời cắt bỏ phần Nhiếp tụng. (38)

Tác giả: **Nguyễn Quốc Bình - Nguyễn Anh Tú**

Bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Phật học bản in Số tháng 11/2026

Đón xem Kỳ 2 số tháng 1 - 2027

Chú thích:

(1) Xem lời tựa của Đạo An trong T125.

(2) Tuệ Sỹ, Tăng Nhất A Hàm, Tổng lục, Hương Tích, 2022, tr. 7-10.

(3) Tuệ Sỹ, Tăng Nhất A Hàm, Tổng lục, Hương Tích, 2022, tr. 10-16.

(4) Thích Nguyên Hùng, "Giới thiệu kinh Tăng nhất A Hàm", Nguyệt san Giác Ngộ online, 07/07/2020, https://giacngo.vn/gioi- thieu-kinh-tang-nhat-a-ham-post52185.html, Retrieved 30/12/2024.

(5) Thích Hạnh Bình, Phương pháp nghiên cứu Phật học, Trung tâm nghiên cứu Phật học Hán truyền, Nxb. Hồng Đức, 2021, tr. 122-125.

(6) □□□□□□□□ , quyển 16, T27n1545_p0079b08.

(7) □□□□ , □□□□□□□ , □□□□□□□□ , 1974, p. 3033b-3034b.

(8) https://suttacentral.net/pitaka/sutta/numbered?lang=en, Retrieved 30/12/2024.

(9) https://cbetaonline.dila.edu.tw/zh/, Retrieved 30/12/2024.

(10) Tse-fu Kuan □□□ , 'Mahāyāna Elements and Mahāsāmghika Traces in the Ekottarika-āgama', Religions of South Asia 13.1,

2019, pp. 24–50 https://doi.org/10.1558/rosa.19247, ISSN (online) 1751-2697.

(11) Thích Nguyên Hùng, "Giới thiệu kinh Tăng nhất A Hàm", Nguyệt san Giác Ngộ online, 07/07/2020, https://giacngo.vn/gioi- thieu-kinh-tang-nhat-a-ham-post52185.html

(12) Phóng ngưu phẩm đệ tứ thập cửu đệ tứ phần biệt tụng □□□□□□□□□□ .

(13) https://suttacentral.net/pitaka/sutta/numbered?lang=en, Retrieved 30/12/2024.

(14) Chandrabhal Tripāthi, Ekottarāgama-Fragmente der Gilgit-Handschrift. Reinbek: Dr Inge Wezler Verlag für Orientalistische Fachpublikationen, 1995.

(15) Numbered Discourses - A sensible translation of the Anguttara Nikāya, translated and introduced by Bhikkhu Sujato, Volume 1 - AN 1–3, SuttaCentral, 2018, p. xxvi.

(16) "Ekottara Agama: The One-up Discourses of the Buddha", tr. Bhikkhu Pasadika, Thich Huyen-Vi, Buddhist Studies Review, Vol.1.2 to 22.1, Boin-Webb, Sara, https://archive.org/details/EkottaragamaChapter1-xxxiv/, Retrieved

30/12/2024.

(17) Masaharu Anesaki □□□□ , The Four Buddhist Āgamas in Chinese – A Concordance of their Parts and of the Corresponding

Counterparts in the Pāli Nikāyas, Yokohama : Kelly & Walsh (The Transactions of the Asiatic Society of Japan), 1908.

Chizen Akanuma □□□□ , Kanpa shibu shiagon goshōroku □□□□□□□□□□ - The Comparative Catalogue of Chinese Āgamas and Pāli Nikāyas. Nagoya: Hajinkaku shobō □□□□□ , 1929, p. xvi + 424 pp. [Reprinted by Sankinbō Busshorin, 1958. Sri

Satguru Publications, 1990 (Bibliotheca Indo-Buddhica no. 74).]

(18) Antonello Palumbo, An Early Chinese Commentary on the Ekottarika-āgama - The Fenbie gongde lun □□□□□ and the History of the Translation of the Zengyi ahan jing □□□□□ , Dharma Drum Publishing Corporation, 2013.

(19) Anālayo, Ekottarika-āgama Studies, Dharma Drum Publishing Corporation, 2016.

(20) Masaharu Anesaki, The four Buddhist āgamas in chinese: a concordance of their parts and of the corresponding counterparts in the Pāli Nikāyas. Vol. 35. Kelly & Walsh l'd., 1908. Dẫn lại theo Thích Nguyên Hùng, "Giới thiệu kinh Tăng nhất A Hàm", Nguyệt san Giác Ngộ online, 07/07/2020, https://giacngo.vn/gioi-thieu-kinh-tang-nhat-a-ham-post52185.html

(21) Xích Chiểu Trí Thiện, Hán Pāli tứ bộ, tứ A Hàm đối chiếu mục lục. Dẫn lại theo Thích Nguyên Hùng, "Giới thiệu kinh Tăng nhất A Hàm", Nguyệt san Giác Ngộ online, 07/07/2020, https://giacngo.vn/gioi-thieu-kinh-tang-nhat-a-ham-post52185.html

(22) Damien Keown, A Dictionary of Buddhism, Oxford University Press, 2004, pp. 85f.

(23) Étienne Lamotte, History of Indian Buddhism, tr. Sara Webb-Boin, Louvainla-Neuve, 1988, p. 154.

(24) Sheng Yen, Orthodox Chinese Buddhism: A Contemporary Chan Master's Answers to Common Questions. North Atlantic Books, 2007. p. 98.

Tuệ Sỹ, Tăng Nhất A Hàm, Tổng lục, Hương Tích, 2022, tr. 16-17.

Trung tâm dịch thuật Trí Tịnh, "Dẫn luận kinh Tăng Nhất A Hàm", Kinh Tăng Nhất A Hàm, Tam tạng thánh điển Phật giáo Việt Nam, Tập 23, tr. xlviii-xlix.

(25) Zhihua Yao □□□ , The Buddhist Theory of Self-Cognition, Routledge, 2012, pp. 8-10.

Tse-fu Kuan, "Legends and Transcendence: Sectarian Affi iations of the Ekottarika Āgama in Chinese Translation", Journal of the American Oriental Society, 133(4), 607-634. doi:10.7817/jameroriesoci.133.4.0607, 2013.

Yin Shun, The Formation of Early Buddhist Texts [□□□□□□□□], 1971, pp. 755-787.

(26) Thích Nguyên Hùng, "Giới thiệu kinh Tăng nhất A Hàm", Nguyệt san Giác Ngộ online, 07/07/2020, https://giacngo.vn/gioi- thieu-kinh-tang-nhat-a-ham-post52185.html, Retrieved 30/12/2024.

(27) Tuệ Sỹ, Tăng Nhất A Hàm, Tổng lục, Hương Tích, 2022, tr. 16-21.

(28) Warder, A.K. Indian Buddhism. 2000. p. 6.

(29) Walser, Joseph. Nāgārjuna in Context: Mahāyāna Buddhism and Early Indian Culture. 2005. pp. 52-53.

(30) Trung tâm dịch thuật Trí Tịnh, "Dẫn luận kinh Tăng Nhất A Hàm", Kinh Tăng Nhất A Hàm, Tam tạng thánh điển Phật giáo Việt Nam, Tập 23, tr. xlix.

(31) A-la-hán lậu tận không bao giờ cởi bỏ pháp phục trở lại đời sống bạch y. A-la-hán lậu tận không bao giờ tập theo hạnh bất tịnh. A-la-hán lậu tận không bao giờ sát sanh. A-la-hán lậu tận không bao giờ trộm cắp. A-la-hán lậu tận ăn mà không bao giờ cất giữ đồ thừa. A-la-hán lậu tận không bao giờ nói dối. A-la-hán lậu tận không bao giờ hùa theo phe đảng. A-la-hán lậu tận không bao giờ phun lời hung dữ. A-la-hán lậu tận không bao giờ có hồ nghi. A-la-hán lậu tận không bao giờ sợ hãi. A-la-hán lậu tận không bao giờ nhận ai khác làm thầy và cũng không bao giờ nhập thai trở lại.

(32) Thích Nguyên Hùng, "Giới thiệu kinh Tăng nhất A Hàm", Nguyệt san Giác Ngộ online, 07/07/2020, https://giacngo.vn/gioi- thieu-kinh-tang-nhat-a-ham-post52185.html, Retrieved 30/12/2024.

(33) Trung tâm dịch thuật Trí Tịnh, "Dẫn luận kinh Tăng Nhất A Hàm", Kinh Tăng Nhất A Hàm, Tam tạng thánh điển Phật giáo Việt Nam, Tập 23, tr. xlix.

(34) Xem Biên bản Hội nghị toàn thể hội đồng phiên dịch Tam tạng của Viện Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất từ ngày 20-10 đến ngày 22-10-1973, được lưu trữ tại nhà lưu niệm cố Hòa thượng Thích Trí Tịnh.

(35) Thích Tuệ Sỹ, Giới thiệu công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Tiếng Việt, https://thuvienhoasen.org/a21481/19-gioi-thieu-cong- trinh-phien-dich-dai-tang-kinh-tieng-viet-tt-thich-tue-sy, Retrieved 30/12/2024.

(36) Thích Tịnh Hạnh chủ biên, "Tiến trình dịch thuật và ấn loát", Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, tập 203, Hội văn hóa giáo dục Linh Sơn Đài Bắc, tr. 46-7, 2014.

(37) Xem chẳng hạn, https://thuvienhoasen.org/a11261/kinh-tang-nhat-a-ham, Retrieved 30/12/2024.

(38) Thích Nguyên Hùng, "Giới thiệu kinh Tăng nhất A Hàm", Nguyệt san Giác Ngộ online, 07/07/2020, https://giacngo.vn/gioi- thieu-kinh-tang-nhat-a-ham-post52185.html